TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2026/HS-ST
Ngày 27 tháng 8 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khắc Tấn.
Bà Trần Thị Hợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1026/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1007/2026/HSST-QĐ ngày 18 tháng 8 năm 2026 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Thị H**; sinh ngày 20 tháng 5 năm 1974 tại Thanh Hóa; CCCD số 038174032132; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố A B, phường Q, tỉnh Thanh Hóa; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam S1 - Cục C3 Bộ C4; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T; chồng: Trần Trí P (đã chết) và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 69/2011/HSST ngày 13/12/2011 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Bản án số 14/2012/HSST ngày 23/4/2012 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt 36 tháng tù của Bản án số 69/2011/HSST ngày 13/12/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, hình phạt chung 02 bản án 72 tháng tù; Bản án số 15/2012/HSST ngày 23/4/2012 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Bản án số 20/2012/HSST ngày 24/4/2012 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Bản án số 57/2012/HSST ngày 18/9/2012 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt 72 tháng tù của Bản án số 14/2012/HSST ngày

23/4/2012, 07 năm tù của Bản án số 15/2012/HSST ngày 23/4/2012, 07 năm tù của Bản án số 20/2012/HSST ngày 24/4/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, hình phạt chung 04 bản án 28 năm tù; Bản án số 20/2013/HSST ngày 18/4/2013 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Bản án số 22/2013/HSST ngày 22/4/2013 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Bản án số 69/2013/HSST ngày 28/11/2013 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt 30 năm tù của Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/2013/QĐ-CA ngày 24/5/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, hình phạt chung 30 năm tù; Bản án số 07/2014/HSST ngày 13/02/2014 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt 30 năm tù của Bản án số 69/2013/HSST ngày 28/11/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, hình phạt chung 02 bản án 30 năm tù; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của Bản án số 07/2014/HSST ngày 13/02/2014 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tại Trại giam S1 - Cục C3 Bộ C4. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Trịnh Văn C, sinh năm 1994. Vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Nguyễn Thị H1; sinh năm 1945. Vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ dân phố D B, phường Q, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Đặng Thị T1; sinh năm 1969. Vắng mặt.
Địa chỉ: Số B, N, phường Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/3/2016, Trịnh Văn C, sinh năm 1994 trú tại khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường B, tỉnh Thanh Hóa) và Trịnh Thị H2, sinh năm 1995 trú tại thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường B, tỉnh Thanh Hóa) đã rủ nhau mua ma túy về sử dụng (mục đích để tự tử); C chở H2 đến nhà Nguyễn Thị H ở khu A, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa để mua ma túy; khi đến cổng nhà Nguyễn Thị H, C vào hỏi mua 800.000 đồng tiền ma túy (loại Heroine), H đồng ý; C đưa cho H số tiền mặt 800.000 đồng, H nhận tiền sau đó đi vào trong nhà và lấy 04 gói nhỏ ma túy (loại Heroine) rồi đi ra cổng bán cho C; sau khi mua được 04 gói ma túy, C cùng với H2 đã mang về nhà và sử dụng hết; đến 16^h cùng ngày, gia đình phát hiện H2 tử vong, C bị sốc ma túy được gia đình đưa đi cấp cứu.

Về kết quả trưng cầu giám định:

Kết luận giám định số 887/GĐPY-PC54 ngày 29/6/2016 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Trong phủ tạng của tử thi Trịnh Thị H2 tìm thấy M, C, MA - là những chất chuyển hóa của H3 trong cơ thể. Nguyên nhân chết: Sốc ma túy (Heroine).

Kết luận giám định số 1255/C54 (P4-TT1) ngày 20/6/2016 của V, T3 đã kết luận:

- Kết luận giám định mô bệnh học: Các tạng xung huyết, xuất huyết mạnh; phù phổi.

- Kết luận giám định độc chất: Trong mẫu phủ tạng gửi đến giám định có tìm thấy: Morphine, C1, MAM là những chất chuyển hóa của H3 trong cơ thể; ngoài ra không tìm thấy các chất độc thường gặp nào khác.

Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Nguyễn Thị H, H khai nhận ngày 24/3/2016 đã bán cho C 04 gói ma túy (loại Heroine) lấy 800.000 đồng.

Về nguồn gốc ma túy H bán cho C, Nguyễn Thị H mua của một người đàn ông tên là "H4", không rõ địa chỉ, họ tên cụ thể, cao khoảng 1,70m, nặng khoảng 60kg, dáng người gầy, đeo khẩu trang, mặc áo chống nắng màu đen, đội mũ bảo hiểm tại thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 21/3/2016, H không nhớ được vị trí cụ thể nơi mua.

Các tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án: Quá trình điều tra, tiến hành làm việc với Trịnh Văn C, C khai nhận ngoài lần mua ma túy cùng với chị Trịnh Thị H2 nêu trên, C còn 02 lần khác mua ma túy của Nguyễn Thị H.

Lần thứ nhất: Trưa ngày 24/3/2016, Trịnh Văn C và Trịnh Văn Bình S năm 1997, trú tại xã H, huyện H (nay là phường B, tỉnh Thanh Hóa), đến nhà Nguyễn Thị H mua 01 tép ma túy giá 200.000 đồng để sử dụng; tuy nhiên, lời khai giữa C và B mâu thuẫn về người trực tiếp vào mua ma túy; Nguyễn Thị H không thừa nhận việc bán ma túy lần này; ngoài lời khai của C và B, không còn chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để buộc tội đối với Nguyễn Thị H về lần bán ma túy này.

Lần thứ hai: Khoảng 17^{h} ngày 24/3/2016 C đi một mình đến nhà Nguyễn Thị H mua thêm 02 tép ma túy giá 400.000 đồng; Nguyễn Thị H không thừa nhận lần bán này và H có chứng cứ ngoại phạm (thời điểm này H đi lễ chùa cùng những người khác); ngoài lời khai của C, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh hành vi bán ma túy cho C lần này của H; do đó không đủ căn cứ để buộc tội đối với Nguyễn Thị H về lần bán ma túy này.

Về hành vi có dấu hiệu của tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" của Trịnh Văn C; quá trình điều tra, C không thừa nhận hành vi tiêm chất ma túy vào cơ thể của Trịnh Thị H2; căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được không có căn cứ xác định C có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho H2, dẫn tới H2 tử vong; ngoài lời khai của C không còn chứng cứ khác. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của C xảy ra ngày 24/3/2016, đến nay đã hết thời hiệu xử lý vi phạm

hành chính; cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự, hành chính đối với Trịnh Văn C trong vụ án này là có căn cứ.

Về hành vi có dấu hiệu của tội "Giết người" của Trịnh Văn C đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T giải quyết trong một vụ việc khác nên không xem xét, xử lý trong vụ án này.

Đối với người đàn ông tên "H4", cao khoảng 1,70m, nặng khoảng 60kg, dáng người gầy, đeo khẩu trang, mặc áo chống nắng màu đen, đội mũ bảo hiểm màu xanh đã bán ma túy cho H (không rõ danh tính, địa chỉ cụ thể ở đâu), cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nên không xem xét, xử lý.

Cáo trạng số 23/CT-VKSTHA-KV ngày 16/7/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khoảng $13^{h}30$' ngày 24/3/2016, Nguyễn Thị H tại khu vực cổng nhà có hành vi bán trái phép 04 gói ma túy, loại Heroine cho Trịnh Văn C lấy 800.000 đồng; Nguyễn Thị H có 09 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm".

Do đó giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh nêu trên; sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng hình phạt từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt tù phần chưa chấp hành của Bản án số 07/2014/HSST ngày 13/02/2014 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 2 bản án; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; tịch thu số tiền 800.000 đồng sung quỹ nhà nước và buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; bị cáo nói lời nói sau cùng là bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, ân hận về hành vi phạm tội, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13^{h}30’ ngày 24/3/2016, tại khu vực cổng nhà của Nguyễn Thị H thuộc tổ dân phố A B, phường Q, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Thị H đã có hành vi bán trái phép 04 gói ma túy, loại Heroine cho Trịnh Văn C lấy 800.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị H đã 09 lần xét xử về các tội ma túy và Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2014/HSST ngày 13/02/2014 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt và tổng hợp hình phạt chung 30 năm tù, hiện nay bị cáo đang chấp hành hình phạt tù; bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm a khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 24/3/2016, Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành; theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các quy định về hình phạt không có sự thay đổi và Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định về hình phạt nặng hơn các quy định tội “Mua bán trái phép chất ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999 và năm 2015; do đó căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2025, quy định có lợi cho người phạm tội nên áp dụng Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Do đó hành vi bị cáo Nguyễn Thị H bán ma túy cho Trịnh Văn C của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi ma túy hủy hoại sức khỏe con người và là nguyên nhân phát sinh tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Hành vi của bị cáo còn xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, bị cáo đã 09 lần xét xử về các tội ma túy, do đó cần phải xử lý bị cáo và áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và giáo dục, răn đe phòng ngừa

chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về việc thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo đang bị nhiễm HIV là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; do đó cần lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4.3] Nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị H đã 09 lần xét xử về tội ma túy (cụ thể các bản án theo phần lí lịch), có nhân thân xấu nên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét về nhân thân của bị cáo.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo đang chấp hành hình phạt 30 năm tù Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2014/HSST ngày 13/02/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, lần xét xử này đối với hành vi phạm tội ngày 24/3/2016; do đó áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 2 bản án; bị cáo chấp hành hình phạt tù của Bản án số 07/2014/HSST từ ngày 09/6/2017 đến ngày 27/8/2026 là 09 năm 02 tháng 18 ngày, được trừ thời gian đã chấp hành án bị cáo còn phải chấp hành 20 năm 9 tháng 12 ngày, tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện nay đang chấp hành hình phạt tù, tại thời điểm phạm tôi bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền với bị cáo.

[7] Các biện pháp tư pháp: Bị cáo bán ma túy cho Trịnh Văn C được số tiền 800.000 đồng, đây là tiền do phạm tội mà có nên truy thu tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[8] Án phí: Bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H **08** (*T2*) năm tù. Tổng hợp hình phạt 20 năm 09 tháng 12 ngày chưa chấp hành của Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2014/HSST ngày 13/02/2014 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **28** (*Hai mươi tám*) năm **09** (*C2*) tháng **12** (*Mười hai*) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/8/2026.

Các biện pháp tư pháp: Truy thu tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị H 800.000 đồng (*T2 trăm nghìn đồng*) nộp ngân sách nhà nước.

Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 6 - Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại giam số 5, Bộ Công an;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 6

IYW270826.TL.QDBA.868

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thắng